UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 411 /QĐ-SNN&PTNT	*Thanh Hoá, ngày 05 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn huyện Quan Sơn do Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 2855/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn; phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn hoặc phòng Kinh tế thuộc UBND cấp huyện; số 01/2020/QĐ-UBND ngày 02/01/2020 về việc phân cấp, ủy quyền phê duyệt kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh; số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 quy định về các biện pháp lâm sinh;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và PTNT: số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và bảo vệ rừng; số 2962/QĐ-BNN-TCLN ngày 30/7/2019 về việc ban hành hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng thâm canh gỗ lớn và chuyển hoá rừng trồng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn đối với loài cây Keo lai và Keo tai tượng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1978/QĐ-UBND ngày 09/6/2017 về việc phê duyệt mức hỗ trợ trồng rừng theo Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; số 3230/QĐ-UBND ngày 29/8/2017 về phê duyệt Quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2016-2025; số 1173/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 về việc giao Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc dự án trồng rừng, chăm sóc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Văn bản số 6848/STC-TCDN, ngày 04/11/2021 của Sở Tài chính Thanh Hóa về đơn giá cây giống Lâm nghiệp;

Xét đề nghị của Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn tại Tờ trình số 94/TTr-BQLDA ngày 18/7/2022 đề nghị phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất bằng nguồn vốn dự án Trồng, chăm sóc rừng phòng

hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn huyện Quan Sơn;

Theo đề nghị của Chi cục Kiểm lâm tại báo cáo kết quả thẩm định số 146/BC-CCKL ngày 05/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn huyện Quan Sơn do Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư

- Tên công trình: Khảo sát, thiết kế kỹ thuật và lập dự toán trồng rừng sản xuất năm 2022.

- Tên Chương trình/Dự án: Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn.

2. Địa điểm

Tại xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Mục tiêu

Trồng rừng gỗ lớn từ nguồn vốn Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, tạo nguồn nguyên liệu gỗ lớn cung cấp cho công nghiệp chế biến lâm sản, giúp giải quyết việc làm tăng thu nhập cho nhân dân trong vùng dự án thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, mặt khác nâng cao tính ổn định và bền vững của rừng, cải thiện hệ sinh thái, bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, hạn chế xói mòn, sạt lở đất.

4. Nội dung, quy mô

- Nội dung: Trồng rừng sản xuất gỗ lớn.

- Quy mô: 40 ha/16 lô thuộc xã Trung Thượng, huyện Quan Sơn.

(Chi tiết có phụ biểu 01 đính kèm).

5. Giải pháp thiết kế chủ yếu

- Phương thức trồng: Trồng hỗn giao giữa cây Mỡ và Vầu: Mật độ 1.000 cây/ha (800 cây Mỡ + 200 cây Vầu), cự ly trồng:

+ Mỡ: Cây cách cây 3,0 m, hàng cách hàng 3,3 m;

+ Vầu: Cây cách cây 3,0 m;

+ Hàng Mỡ cách hàng Vầu 3,5 m.

- Thời vụ trồng rừng: Vụ hè thu năm 2022.

Các giải pháp khác thống nhất theo Báo cáo thẩm định số 146/BC-CCKL ngày 05/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm.

6. Dự toán

Tổng kinh phí năm 2022 là: 369.760.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi chín*

triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Vốn lâm sinh:	320.000.000 đồng.
+ Chi cây giống	203.347.760 đồng.
+ Chi phí phân bón	84.800.000 đồng.
+ Hỗ trợ chi phí nhân công	31.852.240 đồng.
- Khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng:	12.000.000 đồng.
- Công tác khuyến lâm:	8.000.000 đồng.
- Quản lý dự án:	29.760.000 đồng.
+ Chủ dự án (8% - Trong đó Chủ dự án phân bổ cho ban phát triển rừng thôn 1%)	25.600.000 đồng.
+ Ban phát triển rừng cấp huyện, xã (1,3%)	4.160.000 đồng.

(Chi tiết có phụ biểu 02, 03 đính kèm)

7. Nguồn vốn đầu tư và tiến độ giải ngân: Theo Quyết định số 1173/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao Kế hoạch vốn chi tiết cho các hạng mục lâm sinh thuộc dự án trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

8. Thời gian thực hiện: Trong năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Trưởng Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện công trình đúng Hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt; chịu trách nhiệm toàn diện trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và pháp luật về tính chính xác của đối tượng được hỗ trợ; quản lý, sử dụng kinh phí, thanh quyết toán đúng theo dự toán và quy định hiện hành của Nhà nước.

Giao Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, kiểm tra, đôn đốc đơn vị thực hiện công trình theo đúng quy định và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại các Thông tư: số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018, số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Trưởng Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Giám đốc Sở (b/cáo);
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: VT, KL.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH THANH HÓA

Lê Đức Thuận

Phụ biểu 01: Địa điểm, diện tích, loài cây trồng rừng sản xuất - thuộc dự án Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày /8/2022 Chi cục Kiểm lâm)

TT	Vị trí, địa danh			Diện tích (ha)	Loài cây trồng	Số lượng cây trồng chính (Cây)	Số lượng cây phù trợ (Cây)	Số cây trồng tra dặm (Cây)	Tổng số cây
	Tiểu khu	Kh"	Lô						
				40,0		**32.000**	**8.000**	**4.000**	**44.000**
1	194	1	1	5,5	Mỡ + Vầu	4.400	1.100	550	6.050
2	194	1	2	5,0	Mỡ + Vầu	4.000	1.000	500	5.500
3	194	1	3	5,0	Mỡ + Vầu	4.000	1.000	500	5.500
4	194	1	4	5,0	Mỡ + Vầu	4.000	1.000	500	5.500
5	194	1	5	1,5	Mỡ + Vầu	1.200	300	150	1.650
6	194	1	6	0,3	Mỡ + Vầu	240	60	30	330
7	194	2	1	2,2	Mỡ + Vầu	1.760	440	220	2.420
8	194	2	2	4,0	Mỡ + Vầu	3.200	800	400	4.400
9	194	2	3	0,5	Mỡ + Vầu	400	100	50	550
10	194	3	1	1,25	Mỡ + Vầu	1.000	250	125	1.375
11	194	3	2	1,3	Mỡ + Vầu	1.040	260	130	1.430
12	199	1	1	2,5	Mỡ + Vầu	2.000	500	250	2.750
13	199	1	2	2,0	Mỡ + Vầu	1.600	400	200	2.200
14	199	1	3	1,65	Mỡ + Vầu	1.320	330	165	1.815
15	199	1	4	1,1	Mỡ + Vầu	880	220	110	1.210
16	199	1	5	1,2	Mỡ + Vầu	960	240	120	1.320

Phụ biểu 02: Dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng 01 ha rừng sản xuất - thuộc dự án Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày /8/2022 Chi cục Kiểm lâm)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Định mức	Công	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
	Tổng cộng				**67,4**		**9.044.000**
I	**Vốn lâm sinh**				**67,4**		**8.000.000**
1	Chi phí cây giống						**5.083.694**
-	Cây giống Mỡ (cả trồng dặm)	Cây	880	880		2.270,4	1.997.952
-	Cây giống Vầu (cả trồng dặm)	Khóm	220	220		14.026,1	3.085.742
2	Chi phí phân bón	Kg/hố	1.000	0,40		5.300	2.120.000
3	Chi phí nhân công				**67,4**		**796.306**
-	Xử lý thực bì	m^2/công	10.000	487	20,53	11.810	242.498
-	Đào hố	Hố/công	1.000	132	7,58	11.810	89.467
-	Lấp hố	Hố/công	1.000	313	3,19	11.810	37.730
-	Vận chuyển cây con và trồng	Bầu/công	1.000	147	6,80	11.810	80.338
-	Vận chuyển và bón phân	Hố/công	1.000	159	6,29	11.810	74.274
-	Phát chăm sóc	m2/công	10.000	686	14,58	11.810	172.152
-	Xới vun gốc	Gốc/công	1.000	196	5,10	11.810	60.253
-	Trồng dặm năm đầu	Bầu/công	100	108	0,93	11.810	10.935
-	Bảo vệ (4 tháng)	Công/ha/tháng	1	0,61	2,43	11.810	28.658
II	**Khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng**	ha		1,0		**300.000**	**300.000**
III	**Công tác khuyến lâm**	ha		1,0		200.000	**200.000**
III	**Quản lý dự án**						**744.000**
1	Chủ dự án (8% - Trong đó Chủ dự án phân bổ cho ban phát triển rừng thôn 1%)						640.000
2	Ban phát triển rừng cấp huyện, xã (1,3%)						104.000

Phụ biểu 03: Dự toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất - thuộc dự án Trồng, chăm sóc rừng phòng hộ, đặc dụng, rừng sản xuất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Đơn vị thực hiện: Ban quản lý Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ - Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-CCKL ngày /8/2022 Chi cục Kiểm lâm)

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Tổng vốn đầu tư
	Tổng cộng				**369.760.000**
I	**Vốn lâm sinh**				**320.000.000**
1	Chi phí cây giống				**203.347.760**
-	Cây giống Mỡ (cả trồng dặm)	cây	35.200	2.270,4	79.918.080
-	Cây giống Vầu (cả trồng dặm)	khóm	8.800	14.026,1	123.429.680
2	Chi phí phân bón	kg	16.000	5.300	84.800.000
3	Chi phí nhân công	ha	40	796.306	**31.852.240**
II	**Khảo sát, thiết kế, ký hợp đồng**	ha	40	300.000	**12.000.000**
III	**Công tác khuyến lâm**	ha	40	200.000	**8.000.000**
IV	**Quản lý dự án**	**ha**	**40,0**	**744.000**	**29.760.000**
1	Chủ dự án (8% - Trong đó Chủ dự án phân bổ cho ban phát triển rừng thôn 1%)	ha	40,0	640.000	25.600.000
2	Ban phát triển rừng cấp huyện, xã (1,3%)	ha	40,0	104.000	4.160.000